

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2026/HS-ST
Ngày 05-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Liêm;

Bà Bò Thị Ánh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 172/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc S, sinh năm 1997, tại tỉnh Ninh Thuận (nay là tỉnh Khánh Hòa); Hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã V, tỉnh Lâm Đồng); nơi ở hiện tại: Khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc A và bà Lê Thị V; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/4/2025; có mặt.

2. Lê Minh P, sinh năm 2005, tại tỉnh Cà Mau; Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã K, tỉnh Cà Mau; nơi ở hiện tại: Khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh S1 và bà Lê Hoa C; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/4/2025; có mặt.

3. Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1990, tại tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ); Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã M, thành phố Cần Thơ); nơi ở hiện tại: Khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh

Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị Ánh L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/4/2025; có mặt.

4. Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1990, tại tỉnh Cà Mau; Hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau); nơi ở hiện tại: Khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Huỳnh Thị N1; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/4/2025; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc S, Huỳnh Thị Mỹ N chung sống như vợ chồng tại phòng trọ số A, nhà trọ Dững T thuộc khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Lê Minh P và Nguyễn Thị Bé T là bạn của S và N.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 03/04/2025, P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, không gắn biển số, màu đỏ-đen mượn của người tên L1 (không rõ lai lịch) là bạn mới quen của P đi đến phòng trọ số A13 chơi cùng S và N. Lúc này, S có nhu cầu sử dụng ma túy nên rủ P sử dụng ma túy đá, P đồng ý. Sáng đưa P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen không gắn sim điện thoại nói P đi cầm cố lấy 500.000 đồng để có tiền mua ma túy đá sử dụng, nếu không cầm được điện thoại với giá 500.000 đồng thì mang về, P đồng ý rồi điều khiển xe mô tô đi qua cầu P khoảng 200 mét đến khu vực thuộc xã B, Thành phố Hồ Chí Minh gặp một người đàn ông không rõ lai lịch đổi điện thoại lấy ma túy thì người này đồng ý và đưa cho P 01 gói ma túy hàn kín 02 đầu bên trong có chứa ma túy rồi P đi về phòng trọ số A13 của Sáng. P vào trong phòng trọ thấy S và N đang trong phòng, P đưa ma túy mua được cho S, S đi lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy để cùng P, N sử dụng thì P nói “nhanh lên để P hút một, hai hơi rồi đi về”, lúc này N nói là “Phú gấp quá thì đi đâu đi rồi chút quay lại sử dụng ma túy”, P nói không quay lại nữa rồi bỏ về.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, N đi bộ từ phòng A13 qua phòng số A11, nhà trọ Dững T2 để rủ T cùng sử dụng ma túy đá với N và S, T đồng ý. Sáng, N, T cùng nhau ngồi dưới sàn nhà. Khi Sáng chuẩn bị đổ ma túy đá vào trong bộ dụng cụ thì T hỏi Sáng “ma túy này mua bao nhiêu tiền”, Sáng trả lời “500.000 đồng”, nên T nói sẽ góp số tiền 200.000 đồng để sử dụng ma túy khi nào T có lương sẽ trả, S đồng ý. Sau đó, S đổ một phần ma túy vào bộ dụng cụ nhưng

không có hộp quẹt nên T về phòng số A11 lấy 01 hộp quẹt đưa cho S. Sáng đốt ma túy cho bản thân, N và T sử dụng đến khi hết ma túy trong nỏ. Sau khi sử dụng hết số ma túy đá trong bộ dụng cụ thì Sáng tiếp tục đổ hết số ma túy còn lại vào trong bộ dụng cụ để chuẩn bị sử dụng tiếp. Sau đó, S đi ra ngoài mua đồ ăn, N vào nhà vệ sinh còn T tự đốt và sử dụng hết số ma túy trong nỏ. Khi P quay lại phòng trọ số A13, P hỏi còn ma túy không thì S trả lời đã sử dụng hết ma túy nên P đi về.

Khoảng 22 giờ 30 phút 03/04/2025, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra hành chính và phát hiện trong phòng trọ số A13, nhà trọ Dững T2 của Trần Ngọc S và Huỳnh Thị Mỹ N thuê ở có bộ dụng cụ sử dụng ma túy nên mời Sáng, N về làm việc. Quá trình làm việc, Trần Ngọc S, Lê Minh P, Huỳnh Thị Mỹ N và Nguyễn Thị Bé T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 nỏ thủy tinh, 01 bình, 01 ống hút).

Cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Trần Ngọc S, Huỳnh Thị Mỹ N, Lê Minh P, Nguyễn Thị Bé T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Trần Ngọc S, Lê Minh P, Huỳnh Thị Mỹ N, Nguyễn Thị B Thùy mức hình phạt từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 nỏ thủy tinh, 01 bình, 01 ống hút) là công cụ phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, ăn năn, hối cải về hành vi đã gây ra. Các bị cáo không tranh luận gì về tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đưa ra trong bản luận tội.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 03/4/2025, tại phòng trọ số A, nhà trọ Dũng T thuộc khu phố R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) của Trần Ngọc S và Huỳnh Thị Mỹ N thuê ở, S đưa cho Lê Minh P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen để cầm cố mua ma túy. Sau đó, P dùng điện thoại đi đổi lấy 01 gói ma túy đem về phòng trọ của S và N nhằm mục đích cùng nhau sử dụng. Khoảng 21 giờ cùng ngày, S và N có hành vi cung cấp địa điểm, ma túy, dụng cụ còn Nguyễn Thị Bé T có hành vi góp tiền để được sử dụng ma túy, cung cấp hộp quẹt để S, N và T cùng nhau sử dụng chất ma túy. Như vậy, Cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Ngọc S, Lê Minh P, Huỳnh Thị Mỹ N, Nguyễn Thị Bé T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, tuổi đời còn trẻ nhưng sớm lao vào con đường nghiện ma túy, gây nguy hại cho bản thân các bị cáo, không thực hiện trách nhiệm của một công dân đối với xã hội là “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo đã gián tiếp tạo điều kiện cho những đối tượng mua bán ma túy có cơ hội thực hiện, là nguyên nhân gây ra những tệ nạn xã hội phức tạp khác mà Nhà nước đang kiên quyết đấu tranh phòng chống, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự xã hội. Do đó, cần phải ngăn chặn, xử lý nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung. Cần phân tích hành vi, vai trò và nhân thân của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt.

- Đối với bị cáo Trần Ngọc S: Bị cáo người khởi xướng ý định dùng ma túy trước, là người đưa điện thoại cho bị cáo P, kêu bị cáo P đi cầm cố mua ma túy. Bị cáo còn là người chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy, lấy ma túy bỏ vào nỏ và bật lửa cho các bị cáo N, T sử dụng, đồng thời bị cáo còn sử dụng phòng trọ của mình để tổ chức sử dụng ma túy.

- Đối với bị cáo Huỳnh Thị Mỹ N: Bị cáo là người chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy, bị cáo còn là người rủ rê, lôi kéo bị cáo T cùng sử dụng ma túy với mình và sử dụng phòng trọ của mình làm địa điểm sử dụng ma túy.

- Đối với bị cáo Lê Minh P: Bị cáo là người cung cấp ma túy cho các bị cáo khác sử dụng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Bé T: Khi được rủ sử dụng ma túy, bị cáo chủ động hùn tiền để mua ma túy và cung cấp hộp quẹt để đốt ma túy.

Do đó, bị cáo S và bị cáo N phải chịu mức hình phạt như nhau và cao hơn bị cáo P và bị cáo T.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với đối tượng bán ma túy cho P, do không xác định được nhân thân lai lịch nên không xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 nõ thủy tinh, 01 bình, 01 ống hút) là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo về phần tội danh, điều khoản áp dụng, hình phạt, biện pháp tư pháp là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 299, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc S, Lê Minh P, Huỳnh Thị Mỹ N, Nguyễn Thị Bé T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2025.

- Xử phạt bị cáo Lê Minh P 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2025.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Mỹ N 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2025.

2. Biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 nỏ thủy tinh, 01 bình, 01 ống hút).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo Trần Ngọc S, Lê Minh P, Huỳnh Thị Mỹ N, Nguyễn Thị B Thùy mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06 Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan THAHS&HTTP - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh